

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ
VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2021

Số **134**/MICCO – KTNB-TTr
V/v công khai thông tin của Tổng Công ty

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ:

- Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước;

- Quyết định số 897/QĐ-TKV ngày 29/4/2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Quyết định số 934/QĐ-TKV ngày 6/5/2016 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phân công trách nhiệm công bố thông tin hoạt động của TKV;

- Quyết định số 3614/QĐ – HĐTV ngày 30/ 12/ 2016 của Hội đồng thành viên về việc ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin;

- Quyết định 3630/QĐ-MICCO ngày 30/12/2016 của Tổng giám đốc về việc phân công trách nhiệm công bố thông tin hoạt động tại Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin.

Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN về việc công khai thông tin - Kế hoạch SXKD và Đầu tư phát triển năm 2021 – Phụ lục III kèm theo.

Tổng công ty trân trọng báo cáo./. *W*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐTV (e-copy);
- P.KHĐH (e-copy);
- Lưu: KTNB-TTr, VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Hải Cương
Trịnh Hải Cương

PHỤ LỤC III
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2021

Đơn vị: TCTY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ
VINACOMIN
MST: 0100101072

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2021

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm trước.

(Số liệu trong Biểu kèm theo)

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2021.

(Số liệu trong Biểu kèm theo)

III. Các giải pháp thực hiện.

1. Giải pháp về sản xuất.

- Nghiên cứu tìm hiểu nhu cầu của thị trường từ đó tổ chức sản xuất sản phẩm với quy cách đồng thời có đường kính phù hợp để sử dụng trong việc nổ mìn tạo biên trong hầm lò và công trình ngầm.

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm thuốc nổ công nghiệp mới thân thiện với môi trường đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước (NTR phục vụ trong hầm lò...).

- Nghiên cứu thay đổi mẫu mã sản phẩm phù hợp quy định quốc tế và thị hiếu khách hàng, nhằm phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu.

- Tăng cường cơ giới hóa trong công tác nổ mìn theo chỉ đạo của Tập đoàn, góp phần giảm giá vốn trong công tác nổ mìn, giảm bớt sức lao động cho người lao động, TCSX nhịp nhàng, linh hoạt, an toàn, thuận tiện.

** Đối với dịch vụ khai thác mỏ:*

- Nghiên cứu công nghệ khoan nghiêng nổ mìn tạo biên đối với tầng kết thúc mỏ tại các mỏ đá làm vật liệu xây dựng;

- Nghiên cứu hệ thống thông số khoan nổ mìn hợp lý với tính chất đất đá tại công trình ngầm dự án Polypropylene và hầm ngầm chứa khí dầu mỏ hóa lỏng;

- Nghiên cứu thi công nổ mìn ngược giếng đứng công trình ngầm dự án nhà máy sản xuất Polypropylene và hầm ngầm chứa khí dầu mỏ hóa lỏng;

Duy

2. Giải pháp về thị trường.

- Phát triển bền vững thị trường của MICCO gắn liền với sự phát triển của ngành khai thác mỏ, khai thác khoáng sản; sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng; Cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ qua đó tạo vị thế thương hiệu MICCO trong cộng đồng doanh nghiệp, trong nền kinh tế và khu vực. Làm tốt công tác điều tra, dự báo thị trường theo quý, năm, giai đoạn, đặc biệt cần chú trọng đến những biến động của thị trường. Giữ ổn định thị trường VLNCN trong nước.

- Tăng xuất khẩu các sản phẩm VLNCN, tiền chất nỏ và các sản phẩm khác trong khu vực; Đẩy mạnh xuất khẩu VLNCN, TCTN, phụ kiện nỏ sang các nước trong khối Asean, Úc, Đông Á, châu Phi. Nghiên cứu liên doanh, liên kết về sản xuất thuốc nỏ và cung cấp dịch vụ nỏ mìn cho các khách hàng, trước mắt là tại Lào, tiếp đến là các thị trường các nước trong khu vực.

- Trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh chính, các nguồn lực sẵn có cần phát huy đẩy mạnh kinh doanh những mặt hàng chiến lược của Tổng công ty như: Alumin, Hydrat, nhiên liệu dầu mỡ nhờn các loại, các sản phẩm của xà phòng Hà Nội, hóa chất khác (HNO₃, PAC, NaOH,...) tiếp tục tăng cường triển khai kinh doanh hàng hóa vật tư trong các lĩnh vực: Xi măng, lĩnh vực nghiên, phân bón, hóa chất xử lý môi trường....

3. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đủ Tâm- Tầm- Tài ngang tầm nhiệm vụ, sẵn sàng đáp ứng khi được giao phó.

- Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, nhất là nguồn nhân lực cấp cao, đặc biệt cho các vị trí then chốt, tập trung nâng cao, tạo bước chuyển biến cơ bản về năng lực thực tiễn, đẩy mạnh chuyển giao, kế thừa-phát huy, đổi mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh nội lực MICCO trong sự nghiệp xây dựng, phát triển Tổng công ty

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của Cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp;

- Xây dựng các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia đầu ngành, các nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; Kiên trì thực hiện mục tiêu "*Doanh nghiệp ít người trả lương cao*".

4. Giải pháp về tài chính.

- Cân đối đủ vốn cho sản xuất kinh doanh; đảm bảo mức dư tiền gửi, tiền vay hợp lý. Thực hiện vay vốn với các gói lãi suất ưu đãi (thấp hơn lãi suất bình quân trên thị trường từ 1% - 1,5%/năm) tiết kiệm tối đa lãi vay ngân hàng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Đối với công tác kinh doanh ngoài VLNCN: Yêu cầu các đơn vị hạch toán đúng, xác định rõ các ngành nghề, mặt hàng, dịch vụ đem lại hiệu quả, ít rủi ro để phát huy, không phát triển những mặt hàng không hiệu quả, lưu ý các rủi ro.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

- Sản xuất thương mại thuốc nổ NTLT5 và HPEX-01; Hoàn thiện, quyết toán các đề tài NCKH năm 2020 (Nghiên cứu sản xuất phân bón CAN; Nghiên cứu chế tạo bình tự cứu độc lập cách ly); Triển khai có hiệu quả các Đề tài NCKH theo Kế hoạch KHCN 2021 (Nghiên cứu sản xuất NTR10; Nghiên cứu xây dựng phương pháp kiểm tra, đánh giá độ đóng bánh và bọc vỏ của sản phẩm Amon nitrat xốp; Nghiên cứu công nghệ khoan nghiêng nổ mìn tạo biên; Nghiên cứu hệ thống thông số khoan nổ mìn tại công trình ngầm); Tập trung, tích cực nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, tăng tính ứng dụng tin học và tự động hóa;

- Thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch lộ trình chuyển đổi số hóa trong sản xuất kinh doanh; Xây dựng hạ tầng đồng bộ và nghiên cứu thực hiện các giải pháp tự động hóa, tin học hóa đáp ứng thời đại cách mạng công nghệ 4.0, thực hiện chuyển đổi số trong Tổng công ty; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin; ứng dụng các tiến bộ KHCN vào công tác tư vấn, dịch vụ khoan nổ mìn, công tác nghiên cứu và thực nghiệm vật liệu nổ công nghiệp (Đầu tư các phần mềm quản lý an toàn, quản lý dữ liệu khách hàng)

6. Giải pháp về quản lý điều hành.

- Sắp xếp lại tổ chức sản xuất của các đơn vị và phương thức hoạt động SXKD của Tổng công ty theo hướng chuyên môn hóa (chuyên môn hóa hoạt động sản xuất và kinh doanh VLNCN), phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và TKV.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức các phòng/phân xưởng theo hướng tinh gọn; bố trí lao động theo định biên, vị trí việc làm, tiết giảm lao động để tăng năng suất, kỹ năng thực hành (phần đầu tăng năng suất lao động từ 3 - 5% /năm); bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển, lao động linh hoạt phù hợp với tình hình hoạt động SXKD theo từng giai đoạn và địa bàn sản xuất.

duy

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê, báo cáo số liệu sản xuất kinh doanh online hàng ngày góp phần giảm lao động phục vụ, tăng năng suất lao động, đảm bảo số liệu logic, nhanh chóng thuận tiện.



BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN


STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	Trđ	6.500.000	6.200.000
1.1	Sản xuất, tiêu thụ VLN & DVNM	"	5.565.000	5.090.000
1.2	Sản xuất kinh doanh khác	"	935.000	1.110.000
2	Lợi nhuận tổng số	Trđ	205.000	210.000
3	Lao động, thu nhập, đơn giá tiền lương			
3.1	Lao động định mức	Người	3.776	3.854
3.2	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	13.990	12.570
4	Tổng vốn đầu tư	Trđ	32.320	78.510

* **Ghi chú:** Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển năm 2021 đã được HĐQT phê duyệt tại các Quyết định:

- Quyết định số 3168/QĐ-MICCO ngày 31/12/2020.
- Quyết định số 90/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 91/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 92/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 93/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 94/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 95/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 96/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 97/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 98/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.
- Quyết định số 99/QĐ-MICCO ngày 18/01/2021.

Handwritten signature and initials.